

Số: 04/2021/CBTT-CT

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 03 năm 2021

“Công bố thông tin về BCTC năm 2020  
(Sau kiểm toán)”

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi:**     - Ủy ban chứng khoán Nhà nước.  
                      - Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức phát hành:**           **Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Đắk Lắk.  
Mã chứng khoán: DBM**
- Trụ sở chính**                         : 9A Hùng Vương, P. Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk.
- Điện thoại**                             : 02623.812394
- Fax**                                     : 02623.858805
- Loại thông tin công bố:** Định kỳ
- Người thực hiện công bố thông tin:** Phan Thành Trinh – Ủy viên HĐQT kiêm TGD.
- Nội dung thông tin công bố:**

Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty Cổ phần Dược – Vật tư y tế Đắk Lắk được lập ngày 27/02/2021 bao gồm: **Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh BCTC.**

Thông tin này đã được công bố trên trang điện tử của công ty vào ngày 05/03/2021, tại địa chỉ: <http://bamepharm.com.vn>, chuyên mục “Cổ đông”.

Chúng tôi cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đăng tải website công ty;
- Lưu NPTQTCT.

Tài liệu đính kèm:

1. Báo cáo tài chính năm 2020 (Sau kiểm toán).



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK**  
*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**



**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Đắc Lắc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Mậu Hoàng Sơn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Trung Kiên	Thành viên
Ông Phan Thành Trinh	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lộc	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Thông	Trưởng ban
Ông Trần Văn Lợi	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Thành Trinh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lộc	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2021)
Ông Trần Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2020)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

500-  
TY  
H  
TT  
NAM  
TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK**

9A Hùng Vương, Phường Tự An, TP. Buôn Ma Thuột  
Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Phan Thành Trinh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 02 năm 2021



Số: 0651/VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Đắc Lắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Đắc Lắc (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2021, từ trang 4 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 27 tháng 02 năm 2021

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Công Cương**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3992-2017-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>93.155.111.497</b>	<b>91.051.132.197</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>16.478.767.837</b>	<b>20.200.727.900</b>
1. Tiền	111		14.478.767.837	20.200.727.900
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.320.000.000</b>	<b>14.500.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	15.320.000.000	14.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>29.614.925.874</b>	<b>23.917.364.968</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	29.027.732.947	23.824.752.279
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		195.000.021	3.671.785
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		392.192.906	88.940.904
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>31.618.234.830</b>	<b>32.323.051.374</b>
1. Hàng tồn kho	141		31.618.234.830	32.323.051.374
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>123.182.956</b>	<b>109.987.955</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		123.182.956	109.987.955
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.593.117.982</b>	<b>5.111.887.730</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.093.117.982</b>	<b>4.611.887.730</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.673.421.210	4.183.284.273
- Nguyên giá	222		17.495.895.924	17.356.798.254
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.822.474.714)	(13.173.513.981)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	419.696.772	428.603.457
- Nguyên giá	228		799.620.235	799.620.235
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(379.923.463)	(371.016.778)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10	500.000.000	500.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>97.748.229.479</b>	<b>96.163.019.927</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37.200.684.065</b>	<b>37.959.259.298</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.200.684.065</b>	<b>37.959.259.298</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	33.311.936.085	35.247.622.533
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.235.943	8.057.121
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	887.364.068	937.610.062
4. Phải trả người lao động	314		960.975.652	926.403.553
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	1.701.580.000	489.767.472
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		245.593.766	194.702.006
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		81.998.551	155.096.551
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>60.547.545.414</b>	<b>58.203.760.629</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>60.547.545.414</b>	<b>58.203.760.629</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.415.880.000	19.415.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.415.880.000	19.415.880.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(40.000)	(40.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.843.657.268	27.246.817.875
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.294.392.000	1.294.392.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			9.993.656.146	10.246.710.754
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		5.606.577.361	5.606.577.361
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.387.078.785	4.640.133.393
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>97.748.229.479</b>	<b>96.163.019.927</b>



Lê Thị Mỹ Lệ  
 Người lập biểu/Kế toán trưởng



Phan Thành Trinh  
 Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	17	<b>248.871.497.500</b>	<b>265.577.878.436</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	361.284.437	69.476.855
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>16</b>	<b>248.510.213.063</b>	<b>265.508.401.581</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	18	217.196.749.492	233.913.615.617
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>31.313.463.571</b>	<b>31.594.785.964</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.047.813.351	1.438.149.189
7. Chi phí bán hàng	25	21	18.111.218.476	17.261.039.423
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	8.248.104.525	8.653.261.128
9. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>7.001.953.921</b>	<b>7.118.634.602</b>
10. Thu nhập khác	31	22	1.354.928.646	1.638.297.768
11. Chi phí khác	32		7.180.720	36.895.092
12. <b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>1.347.747.926</b>	<b>1.601.402.676</b>
13. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>8.349.701.847</b>	<b>8.720.037.278</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	1.632.722.262	1.670.003.085
15. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>6.716.979.585</b>	<b>7.050.034.193</b>
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.875	3.037

Lê Thị Mỹ Lệ  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Phan Thành Trinh  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.349.701.847	8.720.037.278
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	657.867.418	739.897.242
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.113.987.823)	(623.755.346)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.893.581.442	8.836.179.174
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(5.527.560.906)	9.539.849.009
Giảm hàng tồn kho	10	704.816.544	1.332.354.236
Giảm các khoản phải trả	11	(618.467.668)	(1.763.028.916)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(13.195.001)	102.362.763
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.699.731.827)	(1.729.680.072)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.145.600.000)	(1.245.362.273)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(406.157.416)</b>	<b>15.072.673.921</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(139.097.670)	(143.893.664)
2. Tiền chi cho vay	23	(26.320.000.000)	(10.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	25.500.000.000	4.900.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay	27	943.987.823	623.755.346
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(15.109.847)</b>	<b>(4.620.138.318)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.300.692.800)	(3.300.692.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.300.692.800)</b>	<b>(3.300.692.800)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(3.721.960.063)</b>	<b>7.151.842.803</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>20.200.727.900</b>	<b>13.048.885.097</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>16.478.767.837</b>	<b>20.200.727.900</b>



Lê Thị Mỹ Lệ  
 Người lập biểu/Kế toán trưởng



Phan Thành Trinh  
 Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Đắc Lắc (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6000449389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31 tháng 12 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 5 tháng 4 năm 2017.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Traphaco.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 155 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 160 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh dược phẩm.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là kinh doanh dược phẩm và các thiết bị y tế.

#### **Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập các quy định kế toán hiện hành.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	2 - 7
Phương tiện vận tải	7 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và không thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được trích khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các phần mềm kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	520.085.981	830.985.345
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.958.681.856	19.369.742.555
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
	<u><b>16.478.767.837</b></u>	<u><b>20.200.727.900</b></u>

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn từ sáu tháng đến mười hai tháng và hưởng lãi suất 3,7% - 7,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 5,3% - 8,1%/năm).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	4.263.803.752	2.302.510.942
Trung tâm y tế huyện Đắk RLấp	3.293.111.864	1.721.921.877
Trung tâm y tế huyện Krông Nô	1.165.802.251	2.789.022.773
Các khoản phải thu khách hàng khác	20.305.015.080	17.011.296.687
	<b>29.027.732.947</b>	<b>23.824.752.279</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	1.479.876.495	-	544.758.880	-
Hàng hoá	30.138.358.335	-	31.778.292.494	-
	<b>31.618.234.830</b>	<b>-</b>	<b>32.323.051.374</b>	<b>-</b>

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	13.412.506.489	1.076.728.115	2.867.563.650	17.356.798.254
Tăng trong năm	139.097.670	-	-	139.097.670
Số dư cuối năm	13.551.604.159	1.076.728.115	2.867.563.650	17.495.895.924
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	9.827.517.070	1.025.977.354	2.320.019.557	13.173.513.981
Khấu hao trong năm	473.048.982	22.774.027	153.137.724	648.960.733
Số dư cuối năm	10.300.566.052	1.048.751.381	2.473.157.281	13.822.474.714
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	<b>3.584.989.419</b>	<b>50.750.761</b>	<b>547.544.093</b>	<b>4.183.284.273</b>
Tại ngày cuối năm	<b>3.251.038.107</b>	<b>27.976.734</b>	<b>394.406.369</b>	<b>3.673.421.210</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 7.333.319.150 VND (31 tháng 12 năm 2019: 5.637.381.178 VND).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng
	lâu dài	có thời hạn		
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	100.000.000	416.291.335	283.328.900	799.620.235
Số dư cuối năm	100.000.000	416.291.335	283.328.900	799.620.235
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	-	87.687.878	283.328.900	371.016.778
Khấu hao trong năm	-	8.906.685	-	8.906.685
Số dư cuối năm	-	96.594.563	283.328.900	379.923.463
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	100.000.000	328.603.457	-	428.603.457
Tại ngày cuối năm	100.000.000	319.696.772	-	419.696.772

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 283.328.900 VND (tại 31 tháng 12 năm 2019: 283.328.900 VND).

10. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đây là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bệnh viện Mắt Tây Nguyên với số tiền là 500.000.000 VND.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán là bên thứ ba</b>				
Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	2.905.344.441	2.905.344.441	3.776.231.109	3.776.231.109
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	1.645.543.520	1.645.543.520	1.287.793.626	1.287.793.626
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Danapha tại Khánh Hòa	1.178.327.625	1.178.327.625	1.586.789.682	1.586.789.682
Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Y tế Domesco - Chi nhánh Tây Nguyên	1.108.204.549	1.108.204.549	1.241.129.458	1.241.129.458
Công ty TNHH SXTM Trang thiết bị Y tế Phan Anh	1.001.762.764	1.001.762.764	1.710.645.899	1.710.645.899
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Opc Tại Nha Trang	975.555.476	975.555.476	2.270.541.328	2.270.541.328
Công ty Cổ phần Dược Sơn Lâm	964.558.308	964.558.308	1.974.601.999	1.974.601.999
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	682.603.025	682.603.025	1.039.069.006	1.039.069.006
Phải trả cho các đối tượng khác	22.850.036.377	22.850.036.377	20.244.206.197	20.244.206.197
	<b>33.311.936.085</b>	<b>33.311.936.085</b>	<b>35.131.008.304</b>	<b>35.131.008.304</b>
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
(chi tiết tại Thuyết minh số 26)	-	-	116.614.229	116.614.229
	<b>33.311.936.085</b>	<b>33.311.936.085</b>	<b>35.247.622.533</b>	<b>35.247.622.533</b>



12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	71.971.907	1.460.296.379	1.448.265.654	84.002.632
Thuế thu nhập doanh nghiệp	842.060.948	1.632.722.262	1.699.731.827	775.051.383
Thuế thu nhập cá nhân	23.577.207	160.165.698	155.432.852	28.310.053
Các loại thuế khác	-	499.699.114	499.699.114	-
	<b><u>937.610.062</u></b>	<b><u>3.752.883.453</u></b>	<b><u>3.803.129.447</u></b>	<b><u>887.364.068</u></b>

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng	1.319.000.000	99.422.727
Thù lao hội đồng quản trị	176.000.000	296.000.000
Chi phí khác	206.580.000	94.344.745
	<b><u>1.701.580.000</u></b>	<b><u>489.767.472</u></b>

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	19.415.880.000	(40.000)	25.159.547.727	1.294.392.000	9.490.239.509	55.360.019.236	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.050.034.193	7.050.034.193	
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2018	-	-	2.087.270.148	-	(2.087.270.148)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	-	(825.600.000)	(825.600.000)	
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019	-	-	-	-	(80.000.000)	(80.000.000)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	-	(970.792.000)	(970.792.000)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 (*)	-	-	-	-	(2.329.900.800)	(2.329.900.800)	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>19.415.880.000</b>	<b>(40.000)</b>	<b>27.246.817.875</b>	<b>1.294.392.000</b>	<b>10.246.710.754</b>	<b>58.203.760.629</b>	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	6.716.979.585	6.716.979.585	
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2019 (*)	-	-	2.596.839.393	-	(2.596.839.393)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019 (*)	-	-	-	-	(1.072.502.000)	(1.072.502.000)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 (*)	-	-	-	-	(970.792.000)	(970.792.000)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2020 (**)	-	-	-	-	(2.329.900.800)	(2.329.900.800)	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>19.415.880.000</b>	<b>(40.000)</b>	<b>29.843.657.268</b>	<b>1.294.392.000</b>	<b>9.993.656.146</b>	<b>60.547.545.414</b>	

(\*) Theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Đắk Lắk, các cổ đông đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 với tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền là 17% tương ứng với số tiền là 3.300.692.800 VND, trong đó có tức được phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 ghi nhận trong năm 2020 là 970.792.000 VND; phân phối lợi nhuận còn lại của năm 2019 bằng hình thức trích quỹ khen thưởng phúc lợi và trích quỹ đầu tư phát triển lần lượt là 1.072.502.000 VND và 2.596.839.393 VND.

Cũng theo Nghị quyết nói trên, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020, trong đó chia cổ tức với tỷ lệ 17% mệnh giá một cổ phần từ lợi nhuận sau thuế năm 2020.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thông qua việc chi tạm ứng cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 với tỷ lệ 12%/mệnh giá, tương đương 1.000 VND/1 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Theo đó, một khoản tương ứng là 2.329.900.800 VND đã được ghi giảm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Công ty cũng đã hoàn tất việc chi trả cho khoản tạm ứng cổ tức này vào ngày 17 tháng 12 năm 2020.

Cổ phiếu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	1.941.588	19.415.880.000	1.941.588	19.415.880.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.941.588	19.415.880.000	1.941.588	19.415.880.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(4)	(40.000)	(4)	(40.000)
Cổ phiếu đang lưu hành	1.941.584	19.415.840.000	1.941.584	19.415.840.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

Chi tiết cổ đông của Công ty và vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Traphaco	11.302.710.000	58,21%	11.302.710.000	58,21%
Cổ đông khác	8.113.170.000	41,79%	8.113.170.000	41,79%
	<b>19.415.880.000</b>	<b>100%</b>	<b>19.415.880.000</b>	<b>100%</b>

#### 15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	504.764.104	588.926.604
2. Ngoại tệ các loại	467	480
- Đô la Mỹ	467	480

#### 16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

##### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến dược phẩm, do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 17 và Thuyết minh số 18.

##### Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	248.487.042.955	264.558.899.228
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	384.454.545	1.018.979.208
	<b>248.871.497.500</b>	<b>265.577.878.436</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Hàng bán bị trả lại	361.284.437	69.476.855
	<b>361.284.437</b>	<b>69.476.855</b>
<b>Doanh thu thuần</b>		
- Doanh thu bán hàng	248.125.758.518	264.489.422.373
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	384.454.545	1.018.979.208
	<b>248.510.213.063</b>	<b>265.508.401.581</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	217.196.749.492	233.913.615.617
	<b>217.196.749.492</b>	<b>233.913.615.617</b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	643.090.761	767.885.679
Chi phí nhân công	13.893.350.912	13.075.983.252
Chi phí khấu hao tài sản cố định	657.867.418	739.897.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.219.763.083	3.189.491.192
Chi phí khác	7.945.250.827	8.091.043.186
	<b>26.359.323.001</b>	<b>25.864.300.551</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	1.113.987.823	623.755.346
Chiết khấu thanh toán	683.825.528	614.393.843
Cổ tức, lợi nhuận được chia	250.000.000	200.000.000
	<b>2.047.813.351</b>	<b>1.438.149.189</b>

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	5.693.526.348	5.592.681.709
Chi phí đồ dùng văn phòng	179.942.443	299.055.060
Chi phí khấu hao tài sản cố định	208.159.430	260.807.870
Thuế, phí và lệ phí	353.462.007	585.382.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	803.530.347	573.993.909
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.009.483.950	1.341.339.677
	<b>8.248.104.525</b>	<b>8.653.261.128</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	8.199.824.564	7.724.874.652
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	463.148.318	463.583.530
Chi phí khấu hao và hao mòn	449.707.988	479.089.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.416.232.736	2.359.537.636
Chi phí khác	6.582.304.870	6.233.954.233
	<b>18.111.218.476</b>	<b>17.261.039.423</b>

**22. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ tiền thưởng	1.298.837.574	1.059.624.248
Thu nhập khác	56.091.072	578.673.520
	<b>1.354.928.646</b>	<b>1.638.297.768</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.632.722.262	1.670.003.085
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.632.722.262</b>	<b>1.670.003.085</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	8.349.701.847	8.720.037.278
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(250.000.000)	(463.916.940)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	63.909.461	93.895.094
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.163.611.308	8.350.015.432
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>1.632.722.262</b>	<b>1.670.003.085</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị mang sang của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.716.979.585	7.050.034.193
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	1.135.848.979	1.152.502.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.581.130.606	5.897.532.193
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.941.588	1.941.588
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.875</u></b>	<b><u>3.037</u></b>

(\*) Như đã trình bày trong Thuyết minh số 14, quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được tính toán và trình bày lại căn cứ trên Nghị quyết số 08/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Chi tiết trình bày lại các chỉ tiêu trích quỹ khen thưởng phúc lợi, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu như sau:

Chỉ tiêu (1)	Số đã báo cáo (2)	Số trình bày lại (3)	Chênh lệch (2) - (3)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	7.050.034.193	7.050.034.193	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	352.501.710	1.152.502.000	(800.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.697.532.483	5.897.532.193	800.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.941.588	1.941.588	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>3.450</u></b>	<b><u>3.037</u></b>	<b><u>412</u></b>

Quỹ khen thưởng phúc lợi dùng để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là số liệu ước tính dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2020 theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua. Theo Nghị quyết này, Công ty dự định trích Quỹ khen thưởng phúc lợi là 800.000.000 VND và Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế năm 2020, tương đương với số tiền là 335.848.979 VND.

**25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê kho, thuê đất để làm văn phòng và nhà thuốc của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	422.829.922	422.391.998
	<b><u>422.829.922</u></b>	<b><u>422.391.998</u></b>

Các khoản tiền thuê cam kết phải trả tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng 1 năm	440.299.104	416.768.231
Từ 1 đến 5 năm	1.382.509.067	1.459.471.749
Trên 5 năm	10.566.043.626	10.607.802.869
	<b><u>12.388.851.797</u></b>	<b><u>12.484.042.849</u></b>

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Traphaco

Công ty mẹ

Chi nhánh Miền Trung - Công ty Cổ phần Traphaco

Công ty cùng tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Mua hàng</b>		
Chi nhánh Miền Trung - Công ty Cổ phần Traphaco	42.568.130.248	33.973.717.899
Công ty Cổ phần Traphaco	-	128.498.241
	<b><u>42.568.130.248</u></b>	<b><u>34.102.216.140</u></b>
<b>Nhận hỗ trợ tiền bán hàng</b>		
Chi nhánh Miền Trung - Công ty Cổ phần Traphaco	7.019.962.860	5.807.137.146
	<b><u>7.019.962.860</u></b>	<b><u>5.807.137.146</u></b>
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Traphaco	1.921.460.700	1.921.460.700
	<b><u>1.921.460.700</u></b>	<b><u>1.921.460.700</u></b>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Chi nhánh Miền Trung - Công ty Cổ phần Traphaco	-	3.670.215
Công ty Cổ phần Traphaco	-	112.944.014
	<u>-</u>	<u>116.614.229</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã chi trả trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phan Thành Trinh	399.333.048	336.932.106
Nguyễn Bá Lộc	307.152.350	-
Trần Anh Tuấn	242.537.129	263.974.022
	<u>949.022.528</u>	<u>600.906.128</u>



**Lê Thị Mỹ Lệ**  
**Người lập biểu/Kế toán trưởng**



**Phan Thành Trinh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 02 năm 2021